

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH

Kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2023

Thực hiện Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-BCĐCCHC ngày 08/3/2023 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023 tại các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố với các nội dung, cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

I. Mục đích:

1. Nhằm đánh giá chính xác tình hình triển khai Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 trên các lĩnh vực quản lý của các Sở, ngành, địa phương; việc triển khai thực hiện các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực trọng tâm tại một số Sở, ngành, địa phương; chỉ ra những mặt còn hạn chế, tồn tại, kịp thời chấn chỉnh, đề xuất biện pháp, giải pháp để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ cải cách hành chính những năm tiếp theo.

2. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo chuyển biến về kỷ luật, kỷ cương, hành chính của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác cải cách hành chính.

3. Thông qua kiểm tra, kịp thời ghi nhận những kết quả đạt được, biểu dương những cơ quan, đơn vị thực hiện tốt, có đổi mới trong công tác cải cách hành chính đem lại hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đồng thời, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính đạt mục tiêu đề ra.

II. Yêu cầu:

1. Việc kiểm tra phải đảm bảo khách quan, trung thực, có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương để không gây trở ngại đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra bám sát vào các nội dung cải cách hành chính của Trung ương và của tỉnh. Những đơn vị được kiểm tra cử cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm, nắm vững nghiệp vụ chuyên môn để phối hợp và cung cấp các thông tin, hồ sơ, biểu mẫu, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn Kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ, đạt được mục đích đề ra.

3. Việc kiểm tra công tác cải cách hành chính là yêu cầu bắt buộc của các cơ quan hành chính nhà nước. Do vậy, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị mình.

4. Kết quả kiểm tra phải được tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ theo quy định. Những kiến nghị của Đoàn kiểm tra phải được các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc và có báo cáo kết quả khắc phục. Trong trường hợp cần thiết có thể thực hiện việc phúc tra, tái kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Thành viên Đoàn Kiểm tra có trách nhiệm sắp xếp công việc chuyên môn tham gia đầy đủ các buổi làm việc, kiểm tra theo đúng lịch trình và thời gian quy định nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

B. NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA:

I. Nội dung:

1. Việc triển khai và kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, tập trung vào những nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 (*tính đến thời điểm kiểm tra*).

2. Việc thực hiện các quy định về công tác chỉ đạo, điều hành và các nhiệm vụ trọng tâm của cải cách hành chính, cụ thể: chủ động, nghiêm túc trong công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số.

3. Thực hiện Kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số HÀi lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh (PCI) cấp tỉnh, Chỉ số Chuyên đổi số (DTI), Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương tỉnh (DDCI).

II. Hình thức:

1. Tự kiểm tra:

Thủ trưởng các Sở, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tham gia xác định Chỉ số cải cách hành chính xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính trong nội bộ ngành, địa phương (*kể cả các cơ quan, đơn vị trực thuộc*), đồng thời có báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nội vụ (*theo mẫu Đề cương đính kèm*) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kiểm tra thực tế:

a) Đoàn kiểm tra do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì:

- Đối tượng: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam, Ninh Phước.

- Thành phần Đoàn kiểm tra:

+ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Trưởng Đoàn.

+ Giám đốc Sở Nội vụ: Phó Trưởng Đoàn.

+ Các thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Ninh Thuận *(theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*.

- Thời gian kiểm tra cụ thể:

+ Bắt đầu từ tháng 5/2023. Hoàn thành chậm nhất trong quý II/2023.

+ Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động bố trí Lịch công tác của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo đến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Phương pháp kiểm tra:

+ Đoàn kiểm tra nghe báo cáo tóm tắt do cơ quan, đơn vị, địa phương trình bày *(theo mẫu Đề cương đính kèm)* và những đề xuất, kiến nghị.

+ Trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

+ Trưởng Đoàn kiểm tra kết luận.

b) Tổ kiểm tra do Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Ninh Thuận *(theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)* chủ trì:

- Đối tượng: Ít nhất 10 Sở, ban, ngành, đơn vị ngành dọc, địa phương. Hoàn thành chậm nhất trong quý II/2023.

- Thành phần Tổ kiểm tra: Các thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Ninh Thuận *(theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*.

- Thời gian kiểm tra cụ thể: Giao Sở Nội vụ *(cơ quan thường trực Tổ giúp việc)* chủ động phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, lựa chọn đơn vị kiểm tra và thông báo đến các cơ quan, đơn vị, địa phương *(có thể chia làm nhiều đợt kiểm tra)*.

- Phương pháp kiểm tra:

+ Tổ kiểm tra kiểm tra trực tiếp việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại các Sở, ngành, địa phương *(gồm: tiếp nhận hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính; lập và nộp hồ sơ trực tuyến; số lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trên hệ thống một cửa điện tử so với số lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thực tế; quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình một*

cửa, một cửa liên thông trên môi trường mạng đảm bảo đồng bộ về mặt thời gian giữa kết quả điện tử so với kết quả giấy. Ngoài ra, Tổ kiểm tra có thể kiểm tra thực tế việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại đơn vị).

- + Tổ kiểm tra và đơn vị được kiểm tra thống nhất Biên bản ghi nhận kết quả.
- + Tổ kiểm tra tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Giao Sở Nội vụ làm đầu mối chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra theo đúng nội dung Kế hoạch đã đề ra; liên hệ và thông báo đến các cơ quan, đơn vị, địa phương về Kế hoạch kiểm tra. Đồng thời tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả sau kiểm tra.

2. Lãnh đạo các Sở, ngành, địa phương thuộc đối tượng kiểm tra (*do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì*) có trách nhiệm chuẩn bị tốt nội dung phục vụ việc kiểm tra; xây dựng báo cáo theo Đề cương kèm theo Kế hoạch này và gửi về Đoàn Kiểm tra (*thông qua Sở Nội vụ trước 03 ngày sau khi có Thông báo thời gian kiểm tra cụ thể*), đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

- Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh cử phóng viên tham gia cùng Đoàn kiểm tra (*do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì*) để phản ánh kịp thời kết quả kiểm tra thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vướng mắc hoặc đề xuất cần thay đổi, bổ sung; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nội vụ*) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Tổ kiểm tra;
- Các Sở, ban, ngành;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Ninh Thuận;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT. ĐNĐ

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo phục vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND

ngày tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN A:

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH:

- Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) thực tế tại cơ quan, đơn vị đã đạt được trong triển khai Kế hoạch CCHC; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc, triển khai công tác CCHC.

- Việc thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong năm 2023 (đến thời điểm kiểm tra).

- Công tác tổ chức thực hiện, giải pháp triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ CCHC năm 2023. Việc triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao các Bộ Chỉ số liên quan đến công tác CCHC: PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Việc xây dựng và áp dụng các sáng kiến trong thực hiện công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị.

- Tình hình tổ chức thực hiện và công tác kiểm tra, tuyên truyền CCHC.

- Việc tổ chức đối thoại của người đứng đầu với người dân, doanh nghiệp.

- Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Việc thực hiện đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đối với các xã, phường, thị trấn.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH:

1. Công tác cải cách thể chế:

a) Kết quả đạt được:

- Kết quả thực hiện chương trình công tác năm của cơ quan, đơn vị, bao gồm: việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đối với Sở, ban, ngành); quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện).

- Việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.
 - Việc thực hiện công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật theo kế hoạch.
 - Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, thu hút các nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển (nếu có).
 - Kết quả tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; xử lý kết quả kiểm tra theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).
 - Đánh giá kết quả triển khai thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật theo kế hoạch của tỉnh, của đơn vị.
- b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

2. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC):

- Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC.
 - Việc thực hiện đánh giá tác động TTHC và việc tiếp thu, giải trình nội dung tham gia ý kiến về quy định TTHC của cơ quan chủ trì soạn thảo.
 - Công tác truyền thông và việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC.
 - Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo quy định.
 - Việc cập nhật, công khai TTHC theo quy định.
 - Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị.
 - Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính.
 - Kết quả triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.
 - Công tác phối hợp trong giải quyết TTHC cho tổ chức và công dân.
 - Việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử theo Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện thí điểm chỉ tiếp nhận hồ sơ bằng hình thức trực tuyến; số hóa kết quả TTHC để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách ưu đãi giảm phí, lệ phí nộp hồ sơ trực tuyến.
 - Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: báo cáo việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cụ thể:
 - + Kết quả tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Đổi mới việc thực hiện cơ

chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

+ Việc ban hành quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, xã; tình hình bố trí nơi làm việc và cơ sở vật chất, việc bố trí công chức và thực hiện chế độ phụ cấp cho công chức làm việc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, xã.

+ Việc xin lỗi người dân và tổ chức khi giải quyết TTHC quá hạn (*số lần xin lỗi, hình thức xin lỗi...*).

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

- Việc xây dựng, ban hành các quy định về tổ chức bộ máy.

- Việc rà soát vị trí, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị.

- Tình hình quản lý biên chế: nêu rõ số biên chế hành chính, số lượng người làm việc (*số biên chế sự nghiệp*) được cấp thẩm quyền giao, số biên chế thực hiện đến thời điểm kiểm tra; hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP và số lượng người làm việc theo hợp đồng khác của các cơ quan, tổ chức (*nếu có*); số biên chế hành chính, số lượng người làm việc (*số biên chế sự nghiệp chưa sử dụng, nêu rõ lý do, hướng xử lý trong thời gian đến*); việc xây dựng và thực hiện đề án vị trí việc làm, việc thực hiện cơ cấu ngạch công chức; mã số, hạng chức danh, cơ cấu ngạch viên chức được cấp thẩm quyền phê duyệt. Kết quả thực hiện tinh giản biên chế.

- Việc triển khai thực hiện Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Đề án đẩy mạnh phân cấp đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; công tác kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Việc tuyển dụng, thăng hạng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập: quy trình tổ chức và hệ thống văn bản ban hành theo quy định tại thời điểm triển khai thực hiện (*nếu có*).

- Tiếp nhận vào làm viên chức (*quy trình; hồ sơ cá nhân tiếp nhận vào làm viên chức theo vị trí việc làm...*).

- Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của Chính phủ.

- Sắp xếp công chức, viên chức theo vị trí việc làm (*số lượng công chức, viên chức thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền giao; việc sắp xếp công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt...*).

- Thực hiện nâng lương thường xuyên, trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với công chức, viên chức.

- Công tác đào tạo bồi dưỡng (*kế hoạch, đối tượng tham gia đào tạo, bồi dưỡng và báo cáo kết quả*).
- Việc đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.
- Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với cán bộ, công chức, viên chức.
- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức.

5. Công tác cải cách tài chính công:

Việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với các cơ quan nhà nước; về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công.

6. Việc xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

- Tình hình thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số năm 2023.
- Việc gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.
- Việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hộp thư công vụ trong trao đổi công việc.
- Việc sử dụng chữ ký số để phát hành văn bản điện tử. Việc thực hiện báo cáo Chỉ số Chuyển đổi số.
- Việc thực hiện các thủ tục quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

7. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, ICT, DTI, DDCI:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các giải pháp nâng cao các trục nội dung do các Sở, ban, ngành chịu trách nhiệm phụ trách trong Chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS của tỉnh (*đối với các Sở, ban, ngành được giao phụ trách các trục nội dung trong Chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, ICT, DTI của tỉnh*).
- Việc triển khai các giải pháp đẩy mạnh, cải thiện, nâng cao xếp hạng cải cách hành chính, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và nâng cao Chỉ số DDCI tại cơ quan, đơn vị, địa phương (*đối với tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương*).

PHẦN B:

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG TRIỂN KHAI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG:

1. Thuận lợi.

2. Khó khăn.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỜI GIAN TỚI:

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Nêu những kiến nghị, đề xuất với Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới./.
